

Bản án số: 65/2026/HS-PT

Ngày: 05-6-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Phan Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 75/2026/TLPT-HS ngày 05 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo Võ Ngọc Đ do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2026/HS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

- Bị cáo bị kháng nghị:

Họ và tên: Võ Ngọc Đ, sinh ngày 24/02/1989, tại tỉnh Bến Tre (nay là tỉnh Vĩnh Long).

Nơi cư trú: ấp H, xã M, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Đ1 và bà Hồ Thị L; có vợ Nguyễn Thị G và bị cáo 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn T - Luật sư Văn phòng Luật sư Lê Vũ Hồng H thuộc Đoàn luật sư tỉnh V.

Ngoài ra, bị hại Nguyễn Thị G không có kháng cáo, không bị kháng nghị hoặc không có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình sống chung, Võ Ngọc Đ nghi ngờ vợ là Nguyễn Thị G, sinh ngày 16/02/1990 ở ấp H, xã M, tỉnh Vĩnh Long ngoại tình, cùng với việc G mượn tiền, vàng từ cha, mẹ ruột của Đ nhưng không cho Đ biết nên giữa Đ và G phát sinh mâu thuẫn, nhiều lần cự cãi. Đến khoảng tháng 7/2025, G cùng hai con về nhà mẹ ruột là bà Lê Thị M, sinh năm 1971, ở ấp T, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long sinh sống. Đồng nhiều lần gọi điện, nhắn tin kêu Gấm về nhưng G không đồng ý.

Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 27/7/2025, Đ lấy 01 con dao dài 20cm; cán bằng gỗ màu nâu; lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 10cm; nơi rộng nhất lưỡi dao 3,8cm; phần lưỡi dao có hai lưỡi được kết với nhau bằng ốc trên đầu lưỡi dao, lưỡi dao một bề bên hướng ra ngoài, một bề bên ở giữa rãnh song song, tại nhà Đ ở thuộc ấp H, xã M, tỉnh Vĩnh Long bỏ vào túi quần trước bên phải đi tìm Gấm nhằm mục đích dùng dao đe dọa yêu cầu G về sống chung. Đồng điều khiển xe mô tô biển số 71B1- 314.96 đến nhà bà M ở ấp T, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long tìm G. Khoảng 20 giờ cùng ngày, Đ gặp G và nói chuyện tại khu vực nhà bếp phía sau. Tại đây có mặt bà M, bà Phan Thị Ú, sinh năm 1988; bà Lê Thị T1, sinh năm 1981, cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long. Đồng kêu G dẫn hai con về nhà, lúc này G đang cắm hoa và trả lời không đồng ý, kêu Đ đi về. Khi G cầm bình hoa đi lên khu vực bàn thờ tại nhà trên thì Đ đi theo sau, Đ tiếp tục kêu G về nhà nhưng G vẫn không đồng ý. Khi G quay trở xuống nhà sau, Đ đi theo phía sau cách khoảng 30cm, dùng tay phải lấy con dao trong túi quần ra cầm đâm G 02 cái trúng vào vùng lưng và vai trái làm Gấm té xuống nền nhà nằm ngửa, Đ tiếp tục đâm nhiều cái liên tiếp trúng vùng tay, bẹn, mặt Gấm. Sau đó, G kêu cứu, bà M nghe nên chạy lên can ngăn, Đ bỏ chạy khỏi nhà khoảng 150 mét thì vứt dao xuống ruộng nước phía bên phải cạnh lộ bê tông. Gấm được người nhà đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện N1 đến ngày 31/7/2025 thì xuất viện. Sau khi sự việc xảy ra, bà Phan Thị Ú điện thoại trình báo Công an xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

Vật chứng, đồ vật tạm giữ gồm:

- Thu giữ tại hiện trường: Một (01) con dao dài 20cm có cán gỗ màu nâu, lưỡi dao bằng kim loại bị rỉ sét, lưỡi dao dài 10cm, nơi rộng nhất của lưỡi dao là 3,8cm, phần lưỡi dao gồm hai lưỡi được kết nhau bằng ốc trên đầu lưỡi dao đã bị gãy bung, hở, lưỡi dao một bề bên hướng ra ngoài, một bề bên ở giữa rãnh song song, bề lưng lưỡi dao dạng răng cưa, mũi dao nhọn bị cong vênh phần nhọn; đã qua sử dụng.

- Võ Ngọc Đ giao nộp:

+ Một (01) xe mô tô, biển số 71B1 – 314.96, màu đỏ xám đen, số khung RLHJC4316AY044210, số máy JC43E1258279; đã qua sử dụng.

+ Một (01) điện thoại nhãn hiệu Samsung màn hình cảm ứng, màu đen bên trong gắn một sim số 0978950333; đã qua sử dụng.

+ Một (01) giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 71000145, tên chủ sở hữu Võ Ngọc Đ, địa chỉ: T, Mỏ Cày N, Bến Tre, nhãn hiệu: Honda, số loại: Wave S, số máy: JC43E1258279, số khung: RLHJC4316AY044210, màu đỏ xám đen, biển số đăng ký: 71B1 – 314.96.

+ Một (01) quần Jeans nam ngắn chân màu xám xanh dài 50cm, đã qua sử dụng;

+ Một (01) áo thun màu đen ngắn tay, màu đen, hai tay, cổ áo có viền đỏ trắng, phía sau lưng có chữ “XE MÁY HUỖNH THÀNH, Bạn đồng hành tin cậy, 1800588861 (Miễn phí cước gọi)”, màu trắng đỏ, phía trước ngực bên trái của áo có chữ “XE MÁY HUỖNH THÀNH, Bạn đồng hành tin cậy”, màu trắng đỏ; đã qua sử dụng.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số 000683/2025/CN, ngày 26/8/2025 của Bệnh viện Nguyễn Đình C ghi nhận thương tích của Nguyễn Thị G lúc vào viện như sau:

- Vết thương giữa lưng ở khoảng đốt sống T7T8 dài 3 cm, sâu 5 cm, đứt một phần cơ cạnh sống;

- Vết thương vùng lưng trái dưới xương bả vai dài 3 cm, sâu 5 cm, đứt một phần cơ lưng rộng;

- Vết thương mặt trước 1/3 trên cẳng tay trái kích thước khoảng 04 cm x 01 cm vừa qua da;

- Vết thương mặt trước trong 1/3 dưới cánh tay trái kích thước khoảng 04 cmx 01 cm vừa qua da;

- Vết thương mặt trước ngoài 1/3 giữa cẳng tay phải kích thước khoảng 04 cmx 01 cm vừa qua da;

- Vết thương mặt sau 1/3 trên cánh tay phải kích thước khoảng 05 cm x 01 cm vừa qua da;

- 02 vết thương ngón 3, 4 tay trái kích thước 01 cm x 01 cm rách da;

- Vết thương cạnh trong khoeo phải kích thước khoảng 03 cmx 01 cm sâu tới bao cơ;

- Vết thương vai trái ngay cạnh gai vai kích thước khoảng 03 cm x 01 cm sâu tới xương bả vai;

- 01 vết thương bẹn trái bờ trong gai chậu trước trên kích thước khoảng 03x03cm, sâu khoảng 04cm;

- 01 vết thương môi dưới khoảng 04 x 01 cm, bờ sắc gọn.

Bản kết luận giám định số: 165/KLTTCT-TTPYVL, ngày 12/9/2025 của Trung tâm P xác định:

- Sẹo vùng giữa lưng ở đốt sống T, T8 kích thước trung bình: 02% Căn cứ Chương 8, Mục I.2.
- Sẹo vùng lưng trái dưới xương bả vai kích thước trung bình: 02% Căn cứ Chương 8, Mục I.2.
- Sẹo mặt trước trong 1/3 dưới cánh tay trái kích thước trung bình: 02% Căn cứ Chương 8, Mục I.2.
- Sẹo mặt trước 1/3 trên cẳng tay trái kích thước trung bình: 02% Căn cứ Chương 8, Mục I.2.
- Sẹo mặt trước ngoài 1/3 giữa cẳng tay phải kích thước trung bình: 02% Căn cứ Chương 8, Mục I.2.
- Sẹo mặt sau 1/3 trên cánh tay phải kích thước lớn: 03% Căn cứ Chương 8, Mục I.3.
- Hai sẹo vết thương ngón 3,4 tay trái kích thước nhỏ: Mỗi sẹo 01% Căn cứ Chương 8, Mục I.1.
- Sẹo cạnh trong khoeo phải kích thước lớn: 03% Căn cứ Chương 8, Mục I.3.
- Sẹo vai trái ngay cạnh vai gai kích thước trung bình: 02% Căn cứ Chương 8, Mục I.2.
- Sẹo bẹn trái kích thước trung bình: 02% Căn cứ Chương 8, Mục I.2.
- Sẹo môi dưới kích thước nhỏ: 03% Căn cứ Chương 8, Mục I.1 và phần Nguyên tắc.
- Căn cứ Thông tư 22/2019/TT - BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Thị G tại thời điểm giám định là: 22% (hai mươi hai phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.
- Trường hợp với thương tích như trên nếu không cấp cứu kịp thời thì không dẫn đến tử vong.

Kết luận giám định vật gây thương tích số: 384/KLTTCT-TTPYVL ngày 28/11/2025 của Trung tâm P xác định:

- Con dao dạng hai lưỡi kép song song gửi giám định là vật sắc nhọn phù hợp với thương tích cho bị hại Nguyễn Thị G như ghi nhận trong Giấy chứng nhận thương tích số: 000683/2025/CN, ngày 26/8/2025 của Bệnh viện N1. Cơ chế hình thành từng vết thương do vật sắc nhọn gây ra.

Kết luận giám định số: 240/KL-KTHS-KV3, ngày 29/10/2025 của Phòng K Công an tỉnh V xác định con dao có đặc điểm nêu trên không thuộc danh mục trong Thông tư 75/2024/TT-BCA, ngày 15/11/2024 của Bộ C1 quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

Bị cáo và bị hại đều đồng ý với các kết luận giám định.

Quá trình điều tra, bị cáo Võ Ngọc Đ đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác. Bị cáo đã thực hiện bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị G số tiền 10.000.000 đồng chi phí điều trị, bị hại G không có yêu cầu bồi thường gì khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ.

Ngày 26/12/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V ra Quyết định xử lý vật chứng số: B4996 và đã trả cho bị cáo Đ 01 xe mô tô, 01 điện thoại di động, 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe gắn máy có đặc điểm nêu trên. Các vật chứng còn lại được tiếp tục tạm giữ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2026/HS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 134); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Võ Ngọc Đ 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 04 (năm) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 24 tháng 3 năm 2026.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 07 tháng 4 năm 2026, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long ban hành quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKSKV9 ngày 07/4/2026 với nội dung:

- Kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2026/HS-ST ngày 24/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long để sửa một phần Bản án sơ thẩm về hình phạt.

- Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng xác định bị cáo phạm tội có tình tiết tăng nặng “Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng” theo điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt tù và không cho bị cáo Võ Ngọc Đ được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo xin giữ nguyên bản án sơ thẩm, cho bị cáo hưởng án treo.

Luật sư Nguyễn Văn T bào chữa cho bị cáo Võ Ngọc Đ trình bày: Luật sư chỉ tranh luận tình tiết có tính chất còn đồ còn các vấn đề khác đã được tranh luận rõ tại phiên tòa sơ thẩm. Mâu thuẫn giữa bị cáo và bị hại đã có từ trước, không phải là mâu thuẫn nhỏ nhất, không tự bộc phát, không vô cớ nên bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không thuộc trường hợp có tính chất còn đồ việc này phù hợp với quy định được hướng dẫn tại Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá hành vi của bị cáo không có tính chất còn đồ là phù hợp quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long. Sửa Bản án sơ thẩm số 18/2026/HS-ST ngày 24/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long.

Về hình phạt: Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, i khoản 1) Điều 134, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025.

Xử phạt bị cáo Võ Ngọc Đ 02 (hai) năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích”.

Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn có kháng cáo, kháng nghị.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Luật sư, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long trong hạn luật định, phù hợp quy định Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Lời khai của bị cáo Đ tại phiên tòa phúc thẩm, phù hợp lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Xuất phát từ mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân nên vợ chồng bị cáo Đ và chị Nguyễn Thị G sống ly thân, chị G đã bỏ đi về sinh sống cùng với mẹ ruột nhưng khoảng

20 giờ ngày 27/7/2025 tại ấp T, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo Đ mang theo dao là hung khí nguy hiểm đến nhà bà Lê Thị M, đâm chị G tổng cộng 10 lần trúng vào vùng lưng, tay, bẹn, mặt của Nguyễn Thị G gây thương tích với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 22%. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Võ Ngọc Đ về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về áp dụng tình tiết phạm tội “có tính chất côn đồ”: Do mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc bị cáo nghi ngờ chị G có quan hệ tình cảm với người khác nên giữa bị cáo và chị G nhiều lần cự cãi và đến khoảng tháng 6-7/2025 chị G đã dẫn hai người con cùng về nhà mẹ ruột của chị sinh sống, bị cáo đã nhiều lần liên lạc điện thoại nhắn tin nhưng chị G không đồng ý trở về nhà đoàn tụ. Hồ sơ vụ án thể hiện, bị cáo khai nhiều lần gọi điện nhắn tin cho bị hại yêu cầu trở về nhưng bị hại từ chối dẫn đến việc ngày 27/7/2025 bị cáo chuẩn bị dao bỏ vào túi quần, sau đó đi đến nhà bà M là mẹ chị G để kêu chị G trở về, chị G không đồng ý nên bị cáo dùng dao là hung khí nguy hiểm tấn công vào vùng lưng chị G, khi chị G té ngã bị cáo liên tiếp đâm nhiều nhát vào cơ thể của chị G, hành vi của bị cáo sẵn sàng dùng vũ lực, hung hãn, coi thường tính mạng sức khỏe của bị hại, xem thường pháp luật thể hiện tính chất côn đồ, phù hợp với hướng dẫn tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 nên Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết định khung hình phạt tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là không phù hợp với quy định của pháp luật, do đó nhận định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất hung hãn coi thường sức khỏe của bị hại, thể hiện sự quyết tâm thực hiện hành vi phạm tội và tấn công bị hại liên tục gây ra thương tích cho bị hại ở nhiều vị trí khác nhau trên cơ thể thuộc trường hợp áp dụng tình tiết tăng nặng “có tình thực hiện tội phạm đến cùng” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định áp dụng tình tiết tăng nặng nêu trên đối với bị cáo Đ nhưng phần quyết định của bản án chính phát hành không tuyên điểm khoản của tình tiết tăng nặng nêu trên là sai sót. Tòa án cấp sơ thẩm có Thông báo số 43/2026/TB-TA ngày 06/4/2026 sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm. Nhận định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long đối với nội dung này là có căn cứ.

[3.3] Xét hành vi của bị cáo Đ sử dụng hung khí nguy hiểm trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của bị hại nghiêm trọng, mặc dù bị hại có mối quan hệ là vợ của bị cáo nhưng bị cáo liên tục tấn công bị hại gây ra thương tích cho bị hại ở nhiều vị trí khác nhau trên cơ thể của bị hại tại vùng lưng, tay, bẹn, mặt được xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể 22%; hành vi phạm tội của bị cáo Đ là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nên cần xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định hình phạt tù treo sẽ không đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo; không đảm bảo việc răn đe giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa cho xã hội nói chung. Vì vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long đề nghị không cho bị cáo hưởng án treo là có căn cứ chấp nhận.

[4] Lời bào chữa của Luật sư T đề nghị giữ nguyên hình phạt như bản án sơ thẩm không có căn cứ chấp nhận.

[5] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tại phiên phù hợp với quy định pháp luật và nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, d khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2026/HS-ST ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long về hình phạt.

2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, i khoản 1 Điều 134); điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025.

Xử phạt bị cáo Võ Ngọc Đ 02 (hai) năm tù, về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT I -TANDTC: 01;
- VKSNDTC (Vụ 7): 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- TAND khu vực 9-Vĩnh Long: 01;
- VKSND khu vực 9-Vĩnh Long: 01;
- Phòng THADS khu vực 9-Vĩnh Long: 01;
- Bị cáo: 01;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Công an xã M: 01;
- Lưu Văn phòng: 01;
- Phòng GD,KT,TT&THA tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 02.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Võ Thị Mỹ Dung